

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 11 - 2019

V/v tranh chấp về thay đổi người trực
tiếp nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Ông Trần Văn Kiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:

Ông Trần Văn Côn – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 11, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (Có mặt).

- Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị N1, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 11, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (Có mặt).

2. Bà Trần Thị N2, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2019, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh và chị Trần Thị N kết hôn năm 2015 và đã ly hôn năm 2017. Tại bản án số 62/2017/HNGĐ-ST ngày 03/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã xét xử cho anh và chị N ly hôn, giao con chung là cháu Trần Thị Xuân H, sinh ngày 15/3/2016 cho chị N nuôi dưỡng và anh được quyền thăm nom con sau khi ly hôn. Từ sau khi ly hôn, anh và gia đình bên nội đến bên ngoại thăm con đều bị chị N ngăn cản không cho gặp. Hiện tại chị N đã kết hôn với người khác tại xã H, huyện H để con lại cho bà ngoại nuôi, không cho con đi học. Chị N không đi làm và đã có thêm 01 con riêng với chồng mới nên không có khả năng để nuôi con. Anh hiện chưa kết hôn, đang đi làm tại Công ty Cổ phần vận tải H của huyện H có thu nhập 10.000.000 đồng/tháng. Do vậy anh đề nghị Tòa án giao cháu Trần Thị Xuân H cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2019, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị N trình bày:

Chị nhất trí với anh T về mối quan hệ hôn nhân trước đây và việc đã giải quyết ly hôn ngày 03/4/2017. Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã xét xử ly hôn giữa chị và anh T, đồng thời giao con chung là cháu Trần Thị Xuân H (hiện đã đổi tên là Trần Thu H), sinh ngày 15/3/2016 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Trước khi kết hôn với anh T, chị đã có một đời chồng và có 01 con riêng nhưng con đã chết lúc còn nhỏ. Sau khi ly hôn với anh T, chị và cháu H về nhà mẹ đẻ chị (bà Trần Thị N) tại xã Hải Sơn ở và đi làm công nhân Công ty May S tại xã H, huyện H. Tháng 11/2018 chị kết hôn với anh Đồng Văn T, trú tại xóm X, xã H nhưng đến tháng 04/2019 thì xảy ra mâu thuẫn nên chị đã quay về nhà mẹ đẻ ở, chị đã sinh con với anh T vào ngày 08/8/2019, chị không ngăn cản anh T và gia đình bên nội đến thăm con như anh T khai. Nay anh T yêu cầu giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi thì chị không nhất trí vì con còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, chị vẫn đảm bảo việc nuôi con bình thường, có mẹ đẻ chị giúp đỡ thêm; chị đi làm công nhân có mức lương 7.500.000 đồng/tháng nhưng từ tháng 09/2019 đến nay nghỉ thai sản. Chị biết anh T hay uống rượu bia say, ham chơi nên không có tiền để nuôi con.

Người làm chứng bà Trần Thị N trình bày: Bà là mẹ đẻ anh T. Sau khi anh T và chị N ly hôn, nhiều lần bà sang nhà mẹ đẻ chị N thăm cháu H bị ngăn cản không cho vào nhà chơi với cháu. Nay bà cũng nhất trí với yêu cầu của anh T đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà nhận giúp đỡ anh T nuôi con.

Người làm chứng bà Trần Thị N trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị N. Từ sau khi chị N và anh T ly hôn thì mẹ con chị N về nhà bà ở. Thời gian chị N kết hôn với anh Tạng có gửi cháu H cho bà nuôi dưỡng nhưng hàng ngày chị N đi làm Công ty đều qua nhà chăm sóc con. Chị N kết hôn với anh Tạng chỉ được ba tháng thì xảy ra mâu thuẫn nên đã về nhà bà ở từ tháng 04/2019 đến nay. Chị N mới sinh thêm một cháu, hiện tại ba mẹ con chị N đang ở nhà bà, việc chị N đang nuôi hai con không có khó khăn gì vì có bà cùng hỗ trợ chị N nuôi con. Bà và chị N không ngăn cản anh T và ông bà nội cháu H đến thăm nom nhưng anh T có hai

lần đến thăm con khi uống bia rượu say gây mất trật tự, bà phải báo anh ninh xóm đến can thiệp. Nay bà nhất trí với ý kiến chị N, không đồng ý giao cháu H cho anh T nuôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đều chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Trần Văn T. Anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ lời khai thống nhất của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ thì anh T và chị N trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo bản án số 62/2017/HNGĐ-ST ngày 03/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Theo quyết định của bản án thì con chung của anh T và chị N là cháu Trần Thị Xuân H (đã đổi tên là Trần Thu H), sinh ngày 15/3/2016 được giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và được quyền thăm nom con. Sau khi ly hôn, chị N và cháu H ở cùng mẹ đẻ chị N là bà Trần Thị N tại Xóm 5, xã H, huyện H.

[2] Anh Trần Văn T cho rằng sau khi ly hôn chị N luôn ngăn cản anh thăm con, hiện chị N đã kết hôn với người khác và đã có thêm con riêng, chị N không có việc làm nên không có khả năng nuôi con, hiện anh chưa kết hôn, có đủ điều kiện để nuôi con vì vậy anh đề nghị giao cháu H cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bị đơn chị Trần Thị N không nhất trí giao con cho anh T, chị khẳng định vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H bình thường, chị làm công nhân Công ty May S với mức lương 7.500.000 đồng/tháng nhưng đang nghỉ thai sản từ tháng 08/2019.

[3] Căn cứ lời khai của người làm chứng là bà Trần Thị N (mẹ đẻ anh T), bà Trần Thị N (mẹ đẻ chị N), anh Đồng Văn T (là chồng chị N) và kết quả xác minh tại nơi cư trú hiện nay của chị N cùng các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp cho thấy sau khi ly hôn với anh T, chị N đã kết hôn với anh Đồng Văn T tháng 11/2018 nhưng do mâu thuẫn đã ly thân từ tháng 04/2019 và chị N đã về nhà mẹ đẻ ở tại Xóm 5, xã H; đăng ký thường trú cùng hộ gia đình bà Trần Thị N. Chị N đã có thêm con riêng là cháu Đồng Ngân P, sinh ngày 08/8/2019; hiện chị N đang nuôi hai con nhỏ là cháu H và cháu P. Xét thấy mặc dù chị N đã kết hôn với người khác nhưng cháu Trần Thu H vẫn được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng tốt; chị N đi làm công nhân tại địa phương có thu nhập ổn định và được sự hỗ trợ, giúp đỡ của gia đình mẹ đẻ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con; hiện

tại chị N đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H bình thường mặc dù không nhận được sự cấp dưỡng nuôi con của anh T. Mặt khác cháu H là con gái hiện còn nhỏ mới hơn 03 tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ sẽ thuận lợi hơn cho sự phát triển tâm sinh lý của cháu; anh T cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh chị N có hành vi cản trở anh thăm nom con. Như vậy không có căn cứ xác định chị N không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với cháu Trần Thu H của anh Trần Văn T không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với cháu Trần Thu H (tên gọi khác Trần Thị Xuân H), sinh ngày 15/3/2016 của anh Trần Văn T.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng áp phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0001814 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh Trần Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện: 1 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên